TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/DS-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Đỗ Thị Thúy Hằng.**
2. Nguyễn Thị Giang.

***- Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thu Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* **Bà Nguyễn Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-DSST ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ***Bà A*** – Sinh năm 1967.
Trú tại: Thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: ***Chị B*** – Sinh năm 1984.
Trú tại: Thôn Cổ Điển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, bản tự khai ngày 01/6/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020, Nguyên đơn - bà A trình bày:

Bà và chị B có quan hệ là họ hàng, chồng chị B trước đây là anh C là con trai của anh ruột bà.

Năm 2014 chị B có đến nhà hỏi vay bà tiền để làm ăn. Do bà cũng có một khoản tiền tiết kiệm được nên bà đã đồng ý cho vay. Lần 1 bà cho vay 50 triệu đồng vào ngày 26/5/2014. Sau khoảng nửa tháng chị B lại đến hỏi vay thêm và bà đã cho vay 70 triệu đồng. Tổng cộng là 120 triệu đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và chị B đã viết và ký vào giấy vay tiền. Nội dung giấy vay tiền không thể hiện sự thỏa thuận về lãi suất cũng như thời gian trả nợ, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng miệng chị B trả lãi cho bà theo lãi suất Ngân hàng.

Sau khi vay tiền chị B đã trả tiền lãi cho bà được khoảng 4 tháng, sau đó chị B không trả nữa. Ngay sau đó bà đã đòi tiền chị B thì chị B đã trả cho bà được 40 triệu đồng.

Tiếp theo đó bà đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu chị B phải trả bà tiền, nhưng chị B không trả, chị B đã hứa hẹn nhiều lần trả nhưng rồi chị B vẫn không trả tiền cho bà.

Năm 2018 bà lại tiếp tục đến gặp chị B và yêu cầu chị B trả tiền, thì đến khoảng tháng 02 năm 2019 chị B trả bà được 10 triệu đồng. Từ đó đến nay chị B không trả cho bà đồng nào nữa.

Tổng số tiền chị B đã trả cho bà là 50 triệu đồng, còn lại 70 triệu đồng nữa. Nay bà yêu cầu chị B phải trả bà toàn bộ số tiền nợ gốc và khoản tiền nợ lãi trong 05 năm (từ năm 2015 đến nay) theo mức lãi suất gửi tiết kiệm Ngân hàng tại thời điểm hiện nay.

Ngày 28/5/2020 bà có nộp đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu anh C cùng chị B phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà, nay bà xin rút yêu cầu đối với anh C, bà chỉ yêu cầu chị B phải trả nợ cho bà.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

+ ***Bị đơn – Chị B:***

Chị B và anh C đã ly hôn theo bản án số 118/2020/HNGĐ-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Hiện nay chị B đang sinh sống thường xuyên tại nhà bố mẹ đẻ là ông D và bà E tại thôn Cổ Điển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị B, nhưng chị B đều không có nhà. Bà E là mẹ đẻ chị B đã nhận thay văn bản và cam kết giao lại cho chị B, tuy nhiên chị B vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy không có lời khai của chị B.

Tại phiên tòa:

+ Bà A vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Bà A xác nhận tháng 5,6/2014 chị B đã đến nhà bà vay của bà 2 lần tiền, tổng cộng là 120 triệu đồng. Chị B có viết giấy vay tiền nhưng nội dung giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau là lãi suất theo lãi suất Ngân hàng.

4 tháng đầu sau khi vay anh Hưng Anh là chồng chị B có đến trả cho bà tiền lãi, cụ thể đã trả được bao nhiêu bà cũng không nhớ, vì là người nhà nên hai bên cũng không viết giấy tờ gì, chỉ trao đổi bằng miệng. Ngay sau đó chị B không trả bà nữa nên bà đã đòi tiền thi chị B đã trả cho bà 40 triệu đồng. Đến khoảng tháng 02 năm 2019 chị B trả bà được 10 triệu đồng nữa và từ đó chị B không trả nữa.

Nay bà xác định chị B còn nợ bà số tiền gốc là 70 triệu đồng. Bà yêu cầu chị B phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc và số tiền lãi trong thời gian từ năm 2015 cho đến nay (05 năm) theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng tại thời điểm hiện nay. Cụ thể là 6%/năm x 5 năm x 70 triệu đồng = 21 triệu đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 91 triệu đồng.

Bà giữ nguyên quan điểm xin rút yêu cầu đối với việc yêu cầu anh C cùng phải có trách nhiệm với chị B trả nợ cho bà.

+ Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị B, tại phiên tòa chị B vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

+ Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án, phân công Thẩm phán và Thư ký, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về thủ tục chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo qui định của pháp luật.

Thực hiện đúng qui định về việc cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng.

Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc bà A khởi kiện đối với chị B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật. Bà A yêu cầu chị B phải thanh toán cho bà 70 triệu đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất tiền gửi Ngân hàng là 6%/năm trong thời gian 5 năm (từ năm 2015 đến nay) với số tiền lãi là 21 triệu đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 91 triệu đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc chị B phải thanh toán cho bà A cả gốc và lãi là 91 triệu đồng.

Chị B phải chịu án phí theo án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị B vay số tiền 70.000.000 đồng của bà A, được thể hiện tại Giấy vay nợ viết tay đề ngày 26/5/2014, chị B đã ký và ghi rõ họ tên. Như vậy việc vay tiền của chị B với bà A được coi là hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

[2] Về tố tụng:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định nơi cư trú của chị B tại thôn Cổ Điển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ theo Giấy vay tiền ngày 26/5/2014 do bà A cung cấp xác định thời gian chị B vay số tiền 50 triệu đồng là ngày 26/5/2014. Theo bà A trình bày thì sau nửa tháng chị B lại đến vay 70 triệu đồng. Sau khoảng hơn 4 tháng chị B trả 40 triệu đồng, khoảng tháng 02 năm 2019 chị B trả 10 triệu đồng. Ngày 07/5/2020 bà A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cứ theo điều 429 Bộ luật dân sự thì vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2.3] Về tư cách người tham gia tố tụng: Bà A là người khởi kiện, căn cứ theo khoản 2 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là nguyên đơn. Chị B là người bị kiện, căn cứ theo khoản 3 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là bị đơn.

[2.4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị B, nhưng chị B vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy

Toà án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về Giấy vay tiền đề ngày 26/5/2014:

Thực tế việc bà A cho chị B vay tiền hai lần, lần thứ nhất là ngày 26/5/2014 vay 50.000.000 đồng, lần thứ hai theo bà A trình bày sau ngày 26/5/2014 khoảng nửa tháng chị B lại đến vay 70.000.000 đồng, có ghi vào giấy vay tiền ngày 26/5/2014 nhưng không ghi rõ ngày, tổng cộng hai lần vay với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Nội dung giấy vay tiền không có thỏa thuận về mức lãi suất cũng như thời hạn trả nợ, mà chỉ ghi "vợ chồng cháu hứa sẽ trả cả gốc và lãi đầy đủ, khi bà A cần báo trước cháu 1 tháng". Theo bà A trình này thì hai bên có thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất được tính theo lãi suất qui định của Ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên sau 4 tháng bà A đã yêu cầu chị B trả tiền thì chị B chỉ trả cho bà A 40.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi tiền, đến khoảng tháng 2/2019 chị B đã trả cho bà A 10.000.000 đồng, việc trả tiền của chị B cho bà A không ghi bằng giấy tờ, hai bên chỉ giao nhận miệng với nhau.

Căn cứ theo qui định tại Điều 463, Điều 469 Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi đúng theo qui định của pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A: Quá trình giao dịch vay tiền, chị B và bà A có thỏa thuận khi nào bà A cần tiền thì báo trước 1 tháng, tuy nhiên khi bà A báo yêu cầu chị B trả tiền thì chị B chỉ trả 40.000.000 đồng, sau nhiều lần đòi đến tháng 02/2019 chị B trả bà A 10.000.000 đồng và bà A đã nhiều lần yêu cầu chị B trả bà số tiền còn lại, nhưng từ đó đến nay chị B vẫn không trả tiền cho bà A, như vậy chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà A xác nhận chị B đã trả chị 50.000.000 đồng tiền nợ gốc. Do vậy bà A khởi kiện yêu cầu chị B phải trả số tiền nợ gốc đã vay 70.000.000 đồng và khoản tiền lãi trong thời gian từ năm 2015 đến nay là 05 năm theo theo mức lãi suất gửi tiết kiệm Ngân hàng là 6%/năm với số tiền lãi là 21.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu về lãi suất của bà A hoàn toàn có căn cứ và phù hợp các qui định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc chị B phải thanh toán cho bà A số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 21.000.000 đồng, tổng cộng là 91.000.000 đồng.

[3.3] Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Hải Bối thì chị B sinh năm 1984 là con đẻ của bà E và ông D. Chị B lấy chồng tại thôn Vân Trì, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội và đã ly hôn chồng. Hiện tại chị B đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn Cổ Điển, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định chị B vẫn đang thường xuyên sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ là bà E và ông D ở thôn Cổ Điển, xã

Hải Bối, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, nhưng chị B thường xuyên vắng nhà, Tòa án không thể thực hiện việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị B, tuy nhiên bà Son là mẹ đẻ chị B sống cùng nhà đã nhận thay chị B các văn bản tố tụng và cam kết sẽ giao ngay cho chị B các văn bản đã nhận, do vậy việc tống đạt các văn bản tố tụng cho chị B là hợp lệ theo đúng qui định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị B không có mặt và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì, nên Tòa án không thể lấy được lời khai của chị B, cũng như không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà A cung cấp và những tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là:
91.000.000đ x 5% = 4.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự.
- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1- Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà A đối với chị B.

2- Đình chỉ yêu cầu của bà A về việc "tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" đối với anh C.

3- Xác nhận chị B còn nợ bà A số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), số tiền nợ lãi là 21.000.000 đồng (Hai mốt triệu đồng).

4- Buộc chị B phải thanh toán cho bà A số tiền cả gốc và lãi là 91.000.000 đồng (Chín mốt triệu đồng).

5- Về án phí: Chị B phải chịu 4.550.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm năm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0016225 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh – Thành phố Hà Nội.

6- Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất Ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Bà A có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị B vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TANDTP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền